

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25./2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5- 2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Phượng

2. Bà Y BLư

- Thư ký phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1967; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 60 (Số cũ 85) M, Phường D, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh T vào năm 1990. Sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông Th bỏ nhà đi vào chùa ở từ năm 2009 đến nay, mỗi năm về

vài lần, mỗi lần về một đến hai ngày lại đi. Bà L không biết ông ở chùa nào, vì bà có hỏi nhưng ông Th không nói. Nay tình cảm giữa bà và ông Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Th.

Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Chí Th, sinh năm 1991, Phạm Văn M, sinh năm 1993 và Phạm Văn Th, sinh năm 1995. Các con chung đều trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn Th đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, ông Phạm Văn Th đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng và giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện cho ly hôn giữa bà L và ông Th; Về con chung, các con trưởng thành, tự lập và về tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Xét thấy giữa bà L và ông Th có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”.

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố K, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập và xác minh tại nơi cư trú, bị đơn thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của bà L, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà Dương Thị L và ông Phạm Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh T vào năm 1990 theo đúng quy định của pháp luật, do đó hôn nhân này là hợp pháp

Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau về quan điểm sống, xuất phát từ việc ông Th đã xuất gia đi tu từ năm 2009 cho đến nay (theo đơn của ông Th và được chính quyền địa phương xác nhận), một năm chỉ về thăm nhà vài lần. Bà hỏi ông Th hiện đang ở Chùa nào nhưng ông không cho biết. Tình cảm giữa vợ chồng đã thực sự không còn, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân tranh chấp về ly hôn và sự vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn. Ông Hồ Tấn H – Tổ trưởng tổ dân phố 5, phường D, thành phố K, cung cấp thông tin: Năm 2009, ông Th có đơn xuất gia đi tu, thời gian đầu, ông thường xuyên về nhưng mấy năm gần đây ông Th về thăm nhà một vài lần lại đi.

Từ những phân tích và chứng cứ trên thấy rằng, giữa bà L và ông Th không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Th không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị L.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Chí Th, sinh năm 1991, Phạm Văn M, sinh năm 1993 và Phạm Văn Th, sinh năm 1995. Các con đều trưởng thành và tự lập nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Xin ly hôn” của bà Dương Thị Lài, đề ngày 04/12/2017.

Về hôn nhân: Bà Dương Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn Th.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001064 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố KonTum.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/5/2018) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự.
- UBND phường
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ VÂN

